TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72 /2021/DS-ST
Ngày: 08/6/2021
V/v:"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hiếu.

Ông Nguyễn Văn Trình.

Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Thảo Vân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ thành phố Đà Nẵng.

Ngày 08 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 17/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 02 năm 2021 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49a/2021/QĐST-DS ngày 29/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2021/QĐST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Tổ 04, phường H, quận Ng, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

- ***Bị đơn:*** Ông Trương Phú S, sinh năm 1957 và bà Trương Thị Mỹ D, sinh năm 1962; cùng địa chỉ: Số 79-81 đường V, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; bà D có mặt, ông S vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 21/01/2021, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Thông qua mối quan hệ là thông gia với nhau nên ngày 30/5/2020, ông Trương Phú S và bà Trương Thị Mỹ D có mượn của bà số tiền 500.000.000đồng, mục đích mượn tiền là để buôn bán làm ăn, không có lãi suất, khi mượn tiền hai bên có viết giấy mượn tiền và hẹn vào ngày 30/8/2020 sẽ trả dứt điểm số tiền trên. Tuy nhiên, đến thời hạn trả nợ ông S và bà D không thực hiện đúng cam kết, mặc dù bà đã nhiều lần điện thoại và gặp trực tiếp yêu cầu trả số tiền trên nhưng ông S và bà D vẫn cố tình trốn tránh không chịu trả nợ. Do đó, bà yêu cầu Tòa án buộc ông Trương Phú S và bà Trương Thị Mỹ D trả cho bà số tiền gốc đã mượn là 500.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật, tính từ ngày 01/9/2020 đến ngày xét xử là 08/6/2021, theo mức lãi suất 10%/năm.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Trương Thị Mỹ D trình bày:

Vợ chồng bà và bà H là thông gia, bà thừa nhận vợ chồng bà có vay mượn của bà H số tiền là 500.000.000đồng như giấy mượn tiền viết ngày 30/5/2020 mà bà Hạnh xuất trình là đúng, lãi suất thỏa thuận miệng là 10%/tháng, thời hạn trả là ngày 30/8/2020, mục đích mượn tiền là để đầu tư sản xuất khẩu trang y tế nhưng bị thua lỗ nên đến thời hạn trả vợ chồng bà không có khả năng trả nợ cho bà H. Vợ chồng bà thương lượng với bà H cho được trả dần số nợ đến hết ngày 31/12/2021 nhưng bà H không chấp nhận. Nay bà H kiện đòi tiền gốc 500.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/9/2020 đến ngày xét xử là 08/6/2021, theo mức lãi suất 10%/năm bà đồng ý trả, nhưng hiện nay việc sản xuất kinh doanh của vợ chồng bà bắt đầu phục hồi nên xin được trả nợ với phương thức sau: 03 tháng đầu mỗi tháng trả 30.000.000 đồng, 03 tháng tiếp theo mỗi tháng trả số tiền 50.000.000 đồng; số tiền còn lại trả trong 03 tháng cuối.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập giao dịch vay tài sản là tiền thông qua giấy mượn tiền ngày 30/5/2020 nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26 BLTTDS, quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Trương Phú S và bà Trương Thị Mỹ D có địa chỉ cư trú tại số 79-81 đường V , phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[1.3] Bị đơn ông Trương Phú S không có yêu cầu phản tố, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông S.

[2] *Về yêu cầu khởi kiện*: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H yêu cầu ông Trương Phú S và bà Trương Thị Mỹ D phải trả cho bà số tiền gốc và tiền lãi từ ngày 01/9/2020 đến ngày xét xử là ngày 11/5/2021 là 534.722.000 đồng. Bị đơn bà Trương Thị Mỹ D đồng ý trả số tiền gốc và lãi là 534.722.000 đồng nhưng đề nghị được trả dần.

[2.1] Xét yêu cầu trả tiền gốc 500.000.000đồng của nguyên đơn: Qua các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, cũng như lời khai của các đương sự tại phiên tòa thể hiện: Ngày 30/8/2020, vợ chồng ông S và bà D có vay mượn của bà H số tiền là 500.000.000đồng, thời gian mượn từ ngày 30/5/2020 đến ngày 30/8/2020 thì trả, ông S bà D mượn tiền để làm ăn. Tại phiên tòa, bà D thừa nhận do làm ăn thua lỗ nên chưa trả số tiền 500.000.000đồng cho bà H. Do vậy, việc bà H yêu cầu ông S và bà D

phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền gốc 500.000.000đồng (Năm trăm triệu đồng) là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với các Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự.

[2.2] Xét yêu cầu trả lãi của bà H thì thấy: Hợp đồng vay tài sản lập ngày 30/5/2020 giữa bà H và ông S, bà D là hợp đồng vay có thời hạn, không có lãi. Tuy nhiên, đến thời hạn trả tiền mà ông S, bà D không trả tiền cho bà H. Do vậy, bà H yêu cầu tính lãi từ ngày 01/9/2020 đến ngày xét xử 10/6/2021, theo mức lãi suất 10%/năm là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, cụ thể tiền lãi được tính như sau: 500.000.000đồng x 10%/năm x 09 tháng 09 ngày = 38.749.999đồng (Ba mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn chín trăm chín mươi chín đồng).

[2.3] Tại phiên tòa, bà D đề nghị được trả dần với phương thức sau: 03 tháng đầu mỗi tháng trả 30.000.000 đồng, 03 tháng tiếp theo mỗi tháng 50.000.000đồng; số tiền còn lại trả trong 03 tháng cuối, nhưng bà H không đồng ý. Do vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2.4] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Bị đơn ông Trương Phú S và bà Trương Thị Mỹ D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền gốc và lãi 538.749.999đồng là: 20.000.000đồng + [4% x 138.749.999đồng] = 25.549.999đồng (Hai mươi lăm triệu năm trăm bốn mươi chín nghìn chín trăm chín mươi chín đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Trương Phú S và bà Trương Thị Mỹ D. **Xử**:

1. Buộc ông Trương Phú S và bà Trương Thị Mỹ D phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ là 538.749.999đồng (Năm trăm ba mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn chín trăm chín mươi chín đồng. Trong đó, nợ gốc là 500.000.000đồng, nợ lãi tính từ ngày 01/9/2020 đến ngày 08/6/2021 là 38.749.999đồng .

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm ông Trương Phú S và bà Trương Thị Mỹ D phải chịu là 25.549.999đồng (Hai mươi lăm triệu năm trăm bốn mươi chín nghìn chín trăm chín mươi chín đồng). Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H 12.308.320đồng (Mười hai triệu ba trăm lẻ tám nghìn ba trăm hai mươi đồng) tiền tạm ứng án phí, đã nộp tại biên lai thu tiền số 0008652 ngày 29/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ thành phố Đà Nẵng.

4. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, bị đơn bà Trương Thị Mỹ D có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Trương Phú S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tp. Đà Nẵng;
- VKSND tp. Đà Nẵng;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu TA,VP,HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Lệ Hằng